

Số: 03/2019/QĐST-VDS

T, ngày 07 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH VĨNH LONG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Thư ký phiên họp: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long, mở phiên họp công khai việc dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST- VDS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc *Tuyên bố người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi* theo Quyết định mở phiên họp số: 03/2019/QĐST-VDS ngày 24 tháng 10 năm 2019 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh **Nguyễn Vũ L**, sinh năm 1999: có mặt

Địa chỉ: ấp R, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Bà **Nguyễn Thị L1 (Bo)**, sinh năm 1964: vắng mặt

2. Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1963: có mặt

3. Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1963: có mặt

4. Bà **Nguyễn Thị Nh1**, sinh năm 1967: có mặt

Cùng địa chỉ: ấp R, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Nh: Anh **Nguyễn Vũ L**, là người đại diện theo pháp luật

- Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Nh1: Bà **Nguyễn Thị Hoàng O**, Phó Chủ tịch UBND xã C là người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2019 của Chủ tịch UBND xã C: có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Nh: Ông **Lê Văn Nh3** là Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long: có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Th: Ông **Nguyễn Hoàng Đ** là Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long: có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Nh1: Ông **Bùi Minh Tr** là Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long: có mặt

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu ngày 17 tháng 9 năm 2019, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Nguyễn Vũ L trình bày:

Giữa người yêu cầu Nguyễn Vũ L và bà Nguyễn Thị Nh có quan hệ mẹ con (anh L là con ruột của bà Nh). Bà Nh và bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Nh1 là chị em ruột cùng là con của cụ Nguyễn Văn D (chết năm 1992) và cụ Nguyễn Thị B (chết năm 2016). Hiện bà Nh, bà Th và bà Nh1 cùng anh L chung sống trong căn nhà tình thương, không có đất canh tác. Do bà Nh, bà Th và bà Nh1 bị bệnh tâm thần trí tuệ nặng không thể yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản theo quy định của pháp luật hiện do bà Nguyễn Thị L1 đang quản lý sử dụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp nên anh Nguyễn Vũ L yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Nh1 có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi dân sự.

Tại phiên họp, người yêu cầu vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết, lý do, mục đích và căn cứ của việc yêu cầu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Nh1 tại phiên họp về ý thức có biểu hiện tỉnh, nhưng tiếp xúc chậm, tập trung chú ý kém.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L1 vắng mặt nhưng tại biên bản ngày 24/6/2019 đã trình bày: Thống nhất quan hệ thân thích như người yêu cầu trình bày và xác định ba người chị là bà Nh, bà Th, bà Nh1 không được bình thường, mức độ nhận thức rất hạn chế. Hiện tại bà Nh sống một mình trong căn nhà tình thương còn bà Th thì sống một mình trong căn chòi gần nhà bà Nh. Riêng bà Nh1 được nhà nước cất cho nhà tình thương ở ấp G, xã T và bà Nh1 có chồng nhưng đã chết, con gái chưa đủ 18 tuổi cũng hạn chế trong nhận thức. Nếu Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự thì bà L1 yêu cầu được làm người đại diện hợp pháp của cả ba chị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Nh1 trình bày: Thống

nhất với yêu cầu của anh Nguyễn Vũ L do theo kết quả giám định đều thể hiện bị bệnh lý tâm thần, xác minh thực tế tại địa phương và biểu hiện tại phiên họp đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Đề nghị áp dụng Điều 23, 46, điểm đ khoản 1 Điều 47, Điều 49, Điều 54, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Vũ L.

Đại diện ủy ban nhân dân xã C xác định: Bà Nh, bà Th, bà Nh1 và anh L là thành viên trong hộ gia đình do bà Th làm chủ hộ và thuộc hộ nghèo. Bà Th, bà Nh đều được hưởng trợ cấp hàng tháng do là người khuyết tật dạng khuyết tật tâm thần. Còn bà Nh1 thì UBND xã đang xét hồ sơ đề cấp giấy chứng nhận khuyết tật. Do vậy, UBND xã C thống nhất tuyên bố bà Nh, bà Th, bà Nh1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ chủ hành vi. UBND xã đồng ý quan điểm chỉ định anh Nguyễn Vũ L làm người giám hộ cho bà Nh, nhưng đối với bà Th, bà Nh1 thì đề nghị Tòa án xem xét chỉ định người giám hộ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- *Việc chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký phiên họp trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp tuân thủ đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 149, Điều 376 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 23 của Bộ luật dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu Nguyễn Vũ L về việc tuyên bố bà Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Nh1 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị miễn lệ phí việc dân sự cho người yêu cầu do là cá nhân thuộc hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về yêu cầu giải quyết việc dân sự và thẩm quyền của Tòa án

Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là yêu cầu dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 27, của Bộ luật tố tụng dân sự. Người bị yêu cầu có nơi cư trú cùng lãnh thổ Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện T giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[1.2] Về tư cách đương sự và người đại diện của đương sự

Việc giải quyết việc dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Nh1, Nguyễn Thị L1 mà người yêu cầu không có đề nghị đưa vào tham gia tố tụng nên Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chỉ định người đại diện trong tố tụng dân sự theo quy định tại khoản 6 Điều 68, khoản 1 Điều 88 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc vắng mặt đương sự

Tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L1 được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do nhưng đã có ý kiến trong biên bản ghi lời khai, việc vắng mặt của bà L1 không ảnh hưởng việc giải quyết yêu cầu của người yêu cầu nên Tòa án vẫn tiến hành phiên họp theo quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung

Theo nội dung các Kết luận giám định pháp y tâm thần số 114/2019/KL.GĐYC, số 115/2019/KL.GĐYC và số 116/2019/KL.GĐYC cùng ngày ngày 23/5/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ thuộc Bộ y tế đều kết luận đối với bà Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Nh1 như sau:

- Về y học: Hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70-ICD10)

- Về năng lực: Hiện tại đương sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần. Đương sự có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Theo các giấy xác nhận khuyết tật số 070.862.99 và số 070.862.100 ngày 14/8/2013 của Ủy ban nhân dân xã C, bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Th dạng khuyết tật trí tuệ.

Xét lời trình bày của người yêu cầu và những người tham gia tố tụng khác tại phiên họp cũng như biểu hiện hành vi của người bị yêu cầu là phù hợp với kết luận giám định pháp y tâm thần của cơ quan chuyên môn và xác nhận của chính quyền địa phương, qua đó đủ cơ sở xác định các bà Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Nh1 là người đã thành niên do tình trạng tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự nên Anh Nguyễn Vũ L là người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là phù hợp theo quy định tại Điều 23 của Bộ luật dân sự năm 2015

Điều 23. Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

1. Người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của người này, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.

Về việc cử, chỉ định người giám hộ:

Theo trích lục khai sinh số 692/TLKS ngày 23/10/2019 của UBND xã C, và xác nhận ngày 25/10/2019 của Công an xã C, anh Nguyễn Vũ L là con của bà Nguyễn Thị Nh và là người chưa có tiền án, tiền sự nên được chỉ định làm người giám hộ cho bà Nguyễn Thị Nh theo quy định tại khoản 4 Điều 54, khoản 2 Điều 53 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về người giám hộ cho bà Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Nh1. Do có tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị L1 và anh Nguyễn Vũ L nhưng không có người giám hộ đủ điều kiện theo quy định tại Điều 53 của Bộ luật dân sự. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho người được giám hộ, căn cứ khoản 4 Điều 54 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án đề nghị Ủy ban nhân dân xã C thực hiện việc giám hộ và cử người giám hộ.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự

Người yêu cầu phải nộp 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng do anh Nguyễn Vũ L là cá nhân thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn tạm ứng lệ phí, lệ phí nên được miễn toàn bộ theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 37, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Với nhận định trên, Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của người yêu cầu và một phần quan điểm trợ giúp viên pháp lý, chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên và đại diện UBND xã C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 376, Điều 378, Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Vũ L.

2. Tuyên bố bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Nh1, sinh năm 1967, cùng địa chỉ: ấp R, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

3. Chỉ định anh Nguyễn Vũ L, sinh năm 1999, địa chỉ: ấp R, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là người giám hộ cho bà Nguyễn Thị Nh.

4. Chỉ định Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long làm giám hộ và có quyền cử người giám hộ cho bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Nh1.

5. Việc giám hộ và xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ được thực hiện theo quy định tại mục 4 Chương III của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Vũ L có nghĩa vụ nộp 300.000đ nhưng được miễn toàn bộ do là cá nhân thuộc hộ nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định, đương sự vắng mặt tại phiên họp hoặc không có mặt khi tuyên quyết định có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được quyết định hoặc được tổng đạt họp lệ./.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã C
- Các đương sự;
- Người bảo vệ cho đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Lâm Triệu Hữu